TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 786/2022/QĐST-HNGĐ	*Gò Vấp, ngày 08 tháng 6 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ hồ sơ dân sự thụ lý số 1064/2019/TLST-HNGĐ, ngày 22 tháng 8 năm 2019, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Đào Thị T, sinh năm 1989; Địa chỉ: ấp Tr, xã B, hện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Bùi Quốc T, sinh năm 1988; Địa chỉ: số T, Phường N, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Căn cứ vào Điều 212, 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 55, 57, 58, 59, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 31 tháng 5 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 31 tháng 5 năm 2022 về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Nguyên đơn: Bà Đào Thị T

Bị đơn: Ông Bùi Quốc T

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Bà Đào Thị T và ông Bùi Quốc T thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 122, quyển số 02 ngày 16 tháng 10 năm 2015 của Ủy ban nhân dân xã Lộc An, hện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế hết hiệu lực).

2/ Về con chung: Có 01 con chung tên là Bùi Quốc H, sinh ngày 11/11/2016 tôi đồng giao bà T nuôi tôi cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng, bắt đầu thực hiện từ tháng 6/2022.

Kể từ khi bà T có đơn yêu cầu thi hành án, ông Bùi Quốc T chưa đóng góp số tiền cấp dưỡng nêu trên thì hàng tháng ông T còn phải chịu tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ Luật dân sự năm 2015.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con khi có lý do chính đáng, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

3/ Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

4/ Về án phí: Án phí phí hôn nhân sơ thẩm là 150.000 đồng, bà T tự nguyện chịu. Án phí cấp dưỡng 150.000 đồng lẽ ra ông Bùi Quốc T phải chịu nhưng bà T tự nguyện chịu thay, nhưng được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã đóng tạm nộp, theo biên lai thu số AA/2021/0048342 ngày 18/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà T đã nộp đủ án phí.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND Tp.HCM;
- VKSND Q. Gò Vấp;
- THADS Q. Gò Vấp;
- UBND P.5, Q.GV;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

THẨM PHÁN

Chu Thị Bình